

Số: 65/2021/QĐST-VHNGĐ

Đông Hà, ngày 07 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2021/TLST-VHNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu: “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu:

- Chị Phạm Thị Phương X, sinh năm: 1988; địa chỉ: Nhà số 9, đường 2 Trịnh Hoài Đức, Khu phố T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Q.
- Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1986; địa chỉ: số 48 C, Phú N, thành phố Tr, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Phương X và anh Nguyễn Ngọc M thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng anh M và chị X thỏa thuận, giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Q, sinh ngày 06/11/2014 cho chị Phạm Thị Phương X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q với mức 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 05/2021 cho đến khi cháu Q thành niên có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Phương X và anh Nguyễn Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Phương X và anh Nguyễn Ngọc M chịu lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Phương X và anh Nguyễn Ngọc M (*Giấy chứng nhận kết hôn số 31, QS 01 ngày 29/3/2012*).

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Q, sinh ngày 06/11/2014 cho chị Phạm Thị Phương X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q với mức 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 05/2021 cho đến khi cháu Q thành niên có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Phương X và anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị X, anh M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000987 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị X, anh M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vũ Xuân

